

Số: **281/2025/QĐST-HNGĐ**

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THANH HÓA**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 308/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992; số CCCD: 038092021885.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

2. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993; số CCCD: 038193002975.

Địa chỉ: Thôn P, xã X, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D (nay là xã D), tỉnh Khánh Hòa ngày 04/01/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt. Mặc dù đã được hai bên gia đình phân tích, hòa giải nhưng không hòa hợp được. Đến tháng 11/2023 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh T, chị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh T và chị T1 thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 thống nhất thỏa thuận, vợ chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Ngọc Thanh N, sinh ngày 28/6/2023. Chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là

3.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu N thành niên.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 thống nhất thỏa thuận vợ chồng tự thỏa thuận chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 thống nhất thỏa thuận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 thống nhất thỏa thuận chị T1 chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 thống nhất thỏa thuận, vợ chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Ngọc Thanh N, sinh ngày 28/6/2023. Chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu N thành niên.

Anh T2 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 thống nhất thỏa thuận tài sản chung và công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 thống nhất thỏa thuận, chị T1 chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T1 đã nộp theo biên lai thu số: 0003593 ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Khu vực 8 – Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Diên Điện, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoa